

## QUA MẤY NGÔI ĐÌNH LÀNG VEN SÔNG ĐUỐNG, TRÊN ĐẤT LONG BIÊN

BÙI THẾ QUÂN\*

**T**rên địa bàn Gia Lâm, Hà Nội (gồm cả huyện Gia Lâm và quận Long Biên, thành phố Hà Nội ngày nay) còn khá nhiều ngôi đình cổ. Trong đó, phải kể đến đình Xuân Dục (xã Yên Thường, huyện Gia Lâm) có niên đại vào đầu thế kỷ XVII. Từ đặc điểm kiến trúc của ngôi đình này, một số nhà nghiên cứu mỹ thuật đã coi đây như một trong những tiền đề cho sự ra đời của những ngôi đình ở cuối thế kỷ XVII, giai đoạn mà Thái Bá Vân gọi là đỉnh cao của “nghệ thuật đình làng”. Khi tiếp cận với đình Tinh Quang (Giang Biên), đình Thanh Am (Thượng Thanh) và nhiều ngôi đình khác trên mảnh đất Long Biên, chúng ta như bắt gặp ở đó có rất nhiều biểu tượng văn hoá. Rõ ràng, ở Long Biên không có nhiều đình, nhưng lại có những ngôi đình đặc biệt và mang tính chất hệ thống. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu hai ngôi đình tiêu biểu của Long Biên, được dựng bên ven bờ sông Đuống. Đó là đình Tinh Quang và đình Thanh Am.

### 1. Đình Tinh Quang

Sự tồn tại của ngôi đình hiện nay, với kết cấu và các mảng chạm khắc còn lại, đã cho phép chúng ta tạm hiểu, đình Tinh Quang là một ngôi đình có giá trị về mặt niên đại và nghệ thuật cao trong số những ngôi đình có niên đại thế kỷ XVII ở nội thành Hà Nội. Từ thực tế này, chúng ta cần quan tâm một số vấn đề sau:

Khởi đầu, đình này được dựng trên mặt bằng

hình chữ “Nhất” (thế kỷ XVII - XVIII), đến khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đình được bổ sung phần hậu cung để trở thành kết cấu chữ “Đình”. Hiện đình quay hướng Đông Bắc. Đây là một đặc điểm khác biệt đối với những kiến trúc tôn giáo - tín ngưỡng có niên đại trước thế kỷ XVIII. Tại sao vậy? Từ điều tra hồi cố, qua các già làng ở Chèm (huyện Từ Liêm) và khảo sát về nhiều mặt thuộc lĩnh vực văn hoá..., chúng ta có thể tạm hiểu rằng, đức thánh Chèm cũng là một dạng thần chống lụt. Trong tư duy liên tưởng mệnh mông của người xưa, thì Ngài có một sức mạnh vô biên, biểu hiện qua thân hình khổng lồ, Ngài đã khuất phục được thủy quái ở khúc sông cong dòng, luôn xói nước làm ảnh hưởng tới sự bền vững của đê. Vì thế, đền thờ Ngài đã được đưa ra ngoài đê, nơi xung yếu, để “răn đe” thủy quái, giữ yên lành cho ruộng đồng, làng xóm... Đặc điểm này, như một gợi ý cho chúng ta suy nghĩ về hướng của đình Tinh Quang hiện nay. Lịch sử (Hồ sơ Xếp hạng di tích) cho biết, năm 1856 đời Tự Đức thứ 9, cải tạo dòng sông Đuống, để thích ứng hơn với việc tiêu nước lũ. Sau đó, tới đầu thế kỷ XX, đê vỡ, đê chính được chuyển lùi vào trong, khiến tự nhiên đình bị nằm ở ngoài bãi, trong đê quai.

Ngoài ra, một thực tế ở nhiều địa phương cũng cho thấy, khi dân gặp tai hoạ, các vị “cầm cân nảy mực” trong làng đôi khi đã đổi vị trí đức Ông trong chùa, thậm chí quay lại cả hướng của thần. Vì:

*Toét mắt là tại hướng đình,*

*Cả làng toét mắt, chứ mình em đâu...*

\* Phòng Văn hoá Thông tin quận Long Biên



Chạm khắc dân gian trên đình Tinh Quang, quận Long Biên, Hà Nội - Ảnh: Tác giả

Mặt khác, cũng từ thế kỷ XVIII về sau, nền kinh tế tư nhân phi nông có điều kiện phát triển hơn, dần dần quan niệm về phương hướng của đình, đền, chùa theo lối phong thủy cổ truyền bị nhạt phai, mà người ta chú ý nhiều tới huyết mạch giao thông, nên di tích thường hướng ra sông và sau này hướng cả ra đường cái.

Từ đó, chúng ta ngờ rằng, phải chăng đình Tinh Quang đã bị quay hướng (gần như ngược hẳn hướng của chùa) để đáp ứng yêu cầu tâm linh đương thời, nhằm mong sự hỗ trợ của các Thành hoàng làng, để cho dân khang, vật thịnh, thủy quái không dám quấy nhiễu... Nếu quả đúng như vậy thì đây là một vấn đề rất đáng quan tâm thuộc lĩnh vực văn hoá phi vật thể, kèm theo đó, hiện tượng này đã ít nhiều gắn với tính thực dụng nông dân, đồng thời nổi bật lên là ý thức, thần linh phải vì con người mà tồn tại. Các đấng siêu nhiên còn rất gần gũi, luôn tham gia trực tiếp vào thực tế cuộc sống đời thường..., nhờ đó mà tồn tại.

Ở lĩnh vực nghệ thuật kiến trúc, với 6 hàng chân cột trong một kiến trúc 3 gian, 2 chái, đó là

một đặc điểm hiếm có ở vùng đồng bằng. Thực tế này chứng tỏ, đương thời làng Tinh Quang khá giàu có (vì không còn khả năng khai thác nguyên liệu tại chỗ), hoặc là có mối quan hệ giao lưu nào đó với vùng cao hơn (nơi nguyên liệu có sẵn và thường làm đình với 6 hàng chân cột).

Ở lĩnh vực cấu trúc bộ khung gỗ, thì các bộ vì nóc với kiểu thức "vì kèo trụ trốn", bào trơn đóng bén..., với hệ thống trụ trốn (một lớn, hai nhỏ) có đòn tay kết nối..., đã cho phép chúng ta nghĩ tới một niên đại rất muộn về chúng. Hầu như chắc chắn chúng là sản phẩm của một đợt tu bổ vào đầu thế kỷ XX. Có lẽ cũng từ đây các mảng chạm ở vì nóc, ở các ván bưng, ván gió nối đầu cột (theo hệ xà đai) đều mất hẳn, để nghệ thuật cổ truyền của đình chỉ còn hiển hiện ở các "đầu dư", các "cốn" gian giữa, các "kê" nối giữa cột quân và cột hiên... Cụ thể là, có thể thấy rõ ràng các "đầu dư" ở dưới "câu đầu" đều là sản phẩm của nghệ thuật tạo hình thế kỷ XVII, với một phong cách tương đồng như ở nhiều kiến trúc cùng thời khác. Tuy nhiên, đáng lưu ý ở đây là đôi "đầu dư" của "vì đốc" bên trái

đình, đã được bố trí rỗng theo cách châu vào trung tâm, mà không chạy thẳng ra như ở các vị trí tương đồng khác. Hình thức này tưởng như chỉ là một cách thể hiện thông thường của các hiệp thợ, nhưng ở lĩnh vực niên đại thì chúng lại chỉ phổ biến vào thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, rồi mất dần, nhất là từ đời Chính Hoà về sau (giai đoạn nghệ thuật đình làng phát triển tới đỉnh cao). Vậy hai “đầu dư” này nói lên điều gì?

Tạm thời chúng ta như thấy ý thức kế thừa nghệ thuật truyền thống ở đình này là khá rõ rệt. Đồng thời, sự hiện diện của chúng khiến người nghiên cứu tin tưởng hơn vào niên đại khởi dựng, trước đời Chính Hoà của đình.

Tại các mảng chạm khác, sự tinh tế cao của tạo hình được dồn vào các đề tài văn xoắn lớn, để đầu đó như vẫn thoảng tiếng “thảm thì” gọi mưa, gọi mùa sinh sôi; là những rồng tượng cho mây trời vẫn vũ; là các vũ nữ thiên thần đang dang rộng tay múa những điệu trầm hùng của vũ trụ để trần về trần gian một dòng vĩ ca đầy sinh lực; là những lân, phượng tượng cho sự trong sáng và trí tuệ tăng trên. Và, trong đó có một hình tượng, mà chỉ riêng một thôi, là con lân nhô mõm đang ngậm đuôi con rắn, khiến chúng ta ngỡ như bắt gặp được một huyền thoại từ rất xưa đọng lại trong tiềm thức, rồi đột ngột thức tỉnh để hiện hình trong nghệ thuật chạm khắc của một thời yếu tố dân gian được phục hưng (hình thức này chịu ảnh hưởng từ văn hoá Ấn Độ, cũng được thể hiện rất thành công trong nghệ thuật Chăm Pa). Còn nhiều nữa những đề tài chạm nổi của nghệ thuật đương thời, như cảnh hai lực sĩ trong sự cường điệu sức mạnh, rồi những đao mác và hoa lá thiêng mang tính biểu tượng để phản ánh về một ước vọng vô bờ của tổ tiên ta ngày trước. Suy cho cùng, trong một trường ý tưởng mệnh mông đầy trí tuệ của tổ tiên, qua lời nhắn gửi từ các mảng chạm cho chính ta một bệ đỡ tinh thần chắc chắn để vượt qua những “thác ghềnh” của cuộc đời tục lụy.

Về mặt bằng tổng thể của đình và các di tích trực tiếp liên quan hiện nay. Người địa phương thường nghĩ, làng Đình Diển đã có mối liên quan trực tiếp với đại đình, vì tổ họ Đình được coi là một trong ba vị Thành hoàng chính của làng. Thực ra, làng đá trên vốn nằm ở ngoài khu vực này, nó được đưa về đây (lần đầu ở trước cửa đình) vào

những năm 60 của thế kỷ XX, rồi gần đây, khi tu bổ đình, thì làng được đưa lùi về phía sau. Niên đại của làng vào thế kỷ XVIII và tuy nhỏ, nhưng được chạm trổ rất đẹp, điều cần phải quan tâm là: có thực đây là làng Đình Diển không, hay chỉ là một sáng tạo mới trong sự “thao diễn” của nhận thức chủ quan (?). Chúng ta biết rằng, vào cuối thế kỷ XVII và trong thế kỷ XVIII, các kiến trúc làng đá như dạng kể trên thường của các ông Quận, của quan Thái giám hoặc các vị có phẩm hàm cao. Như thế chỉ còn có thể tạm chấp nhận ngôi miếu/nghè là có mối liên quan trực tiếp với đình mà thôi.

Hiện nay, nghề đã bị huỷ hoại nhiều, dấu tích còn lại là một mặt bằng, phần kết cấu gỗ bên trên bị chuyển đổi chức năng vào thời kỳ còn hợp tác xã nông nghiệp. Tuy nhiên, chỉ cần có vậy, cũng tạm đủ để chúng ta mừng tượng ra một vấn đề lịch sử liên quan. Nhiều nhà nghiên cứu văn hoá - nghệ thuật đã chỉ ra cho chúng ta thấy rằng: ở rất nhiều nơi, trên đồng bằng Bắc Bộ, việc thờ cúng hàng ngày của cư dân làng xóm với các Thành hoàng làng thường được diễn ra ở nghề/miếu. Có thể nghề/miếu này là nơi thờ gốc của Thành hoàng trước khi có đình làng, cũng có khi do đông dân, dẫn tới việc tách làng mà nghề/miếu được nảy sinh tương ứng, hoặc cũng có thể từ lý do nào khác nữa? Trong trường hợp thứ nhất, thì nghề/miếu chắc chắn được nhiều người thường xuyên lui tới và sinh hoạt tâm linh chính ở nơi này. Như vậy, khi hội làng, các vị Thành hoàng mới được rước về đình. “Cũng có khi mỗi phân làng lại thờ một vị Thành hoàng khác nhau, thì trong ngày hội chính, các Ngài cũng được rước cả về đình và đương nhiên đó là một trong những lý do để chốn đình trung có nhiều Thành hoàng làng”.

Trở lại với làng Tinh Quang. Qua điều tra hồi cố thì miếu/nghè ở đây đã thờ cả ba vị thần: Lý Nam Đế, Đình Diển và Lý Chiêu Hoàng... Mối quan hệ giữa miếu và đình thật khăng khít, nhất là vào các ngày hội và lễ chính trong năm. Phải chăng, miếu là nơi ngụ của các Ngài, khi mang tư cách là các vị thần có quyền uy siêu việt, gần nhiều hơn với sinh hoạt tâm linh, còn ở đình thì các Ngài là Thành hoàng làng, cũng với quyền uy tối thượng, song gần bó nhiều hơn với việc đời và ở đó, các Ngài được hưởng sự tôn vinh đặc biệt của cộng đồng... Chúng ta mong rằng, sẽ có những lý giải thấu đáo

hơn về các vị Thành hoàng này, chắc chắn không chỉ dừng lại ở sự tích và lịch sử gắn với các Ngài, mà vấn đề cần đặt ra là ở vai trò của các Ngài trôi chảy gặp ghềnh trên tâm tư quần chúng như thế nào (thực sự, không phải cả ba vị đều được nảy sinh cùng thời trong sinh hoạt tâm linh ở nơi đây, có khả năng khởi đầu là Lý Nam Đế/Đức vua cha của quần chúng bình dân, rồi Lý Chiêu Hoàng đã được thờ ở nhiều nơi quanh vùng này, có bóng dáng của một hoá thân về bà mẹ thiêng liêng, còn Đình Đền đã từ một cơ duyên nào đó mà cùng xuất hiện).

## 2. Đình Thanh Am

Làng Thanh Am trước đời vua Thiệu Trị có tên là Hoa Am, do chính Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đặt khi làm quan ở đất Thăng Long. Trong khoảng thời gian (1535 - 1542) làm quan dưới triều Mạc, Nguyễn Bình Khiêm đã đưa con cháu của mình đến khai phá vùng đất này. Và, khi mất, nhân dân nơi đây tôn thờ ông làm Thành hoàng làng. Như vậy, duy nhất trên đất Hà Nội chỉ có đình Thanh Am thờ Trạng Trình.

Về không gian: đình Thanh Am nằm ở bìa làng, đó là một vị trí vốn có từ thời khởi dựng, không bị nhà ở của dân che mặt, khiến tính thiêng của đình luôn được đề cao và vai trò của Thành hoàng làng như được linh hơn. Ở lĩnh vực phong thủy, đình quay hướng Nam, đó là hướng phổ biến của nhiều di tích tôn giáo - tín ngưỡng, bởi người Việt thường quan niệm: "lấy vợ hiền hoà, làm nhà hướng Nam". Đây cũng là hướng gắn với nguồn sinh lực vô biên của vũ trụ, tượng bằng màu đỏ. Người xưa cho rằng, hướng này thường đem tới cho dân làng nhiều phúc lộc hơn. Mặt khác, theo tinh thần của tôn giáo (đạo Phật) thì hướng Nam đồng nhất với hướng của Bát nhã, tức trí tuệ. Nhờ trí tuệ mới diệt trừ được vô minh, tức ngu tối, mà ngu tối là mầm mống của tội ác. Vì vậy, với hướng này, sức mạnh của thần sẽ tác động tới ý thức: "hành thiện trên nền tảng trí tuệ" của con người. Cũng có thể nghĩ rằng, đây là hướng đề cao thần, vì: "thánh nhân Nam diện nhi thính thiên hạ" (thần linh/người tài/vua... ngồi quay mặt về hướng Nam để nghe lời tâm bày của thiên hạ). Trong những trường hợp này thì ý thức coi Thành hoàng làng là ông vua tinh thần của người dân... là điều rõ ràng. Đình Thanh Am còn gần sông Đuống, mặc nhiên con

sông đã trở thành dòng lưu phúc thuộc tư duy nông nghiệp thuở trước.

Về kiến trúc: nếu xét ở lĩnh vực mặt bằng thì ý thức cầu phúc còn mạnh hơn rất nhiều. Cũng như ở một số nơi khác, mở đầu cho đình là hồ bán nguyệt, qua một sân rộng, tới toà đại đình khá to lớn. Chưa cần bàn tới kết cấu kiến trúc, chỉ thế thôi, đình Thanh Am đã biểu hiện một ý nghĩa khá sâu xa. Rằng: nước ở trước mặt mang yếu tố âm, kiến trúc ở cao mang yếu tố dương, âm dương đối đãi là gốc của sự sinh sôi phát triển, đó là điều con người muốn nhắc nhở/gợi ý với thần hãy đem tới cho dân làng những vụ mùa bội thu - Mặt khác, hồ nước này còn mang tư cách nào thủy, đã tạo nên một vẻ đẹp thánh thiện giữa sự ồn ào của thế gian. Gần đây, một số nhà dân tộc học mỹ thuật còn đi xa hơn mà ngờ rằng, mặt bằng các đình dạng này như được bắt nguồn từ một câu chuyện rất xa xôi của Ấn Độ, đó là huyền thoại "Khuấy biển sữa" để tìm bát thuốc trường sinh. Có một con quỷ đứng lẫn trong hàng ngũ các thần, sau khi uống được một ngụm thuốc thì bị thần Mặt trời và Mặt trăng phát hiện, quỷ bị chặt làm đôi, nhưng không chết mà được đưa lên trời để trở thành sao Hồ phù và Kế đô. Quỷ luôn giữ mối thù này, nên luôn đuổi theo mặt trời và mặt trăng để nuốt, khiến tạo nên nhật thực và nguyệt thực. Với cư dân nông nghiệp nước ta, thì mặt trời được coi là nguồn sinh lực vũ trụ vô biên và mặt trăng lại có tác dụng trực tiếp thúc đẩy cho việc sinh sôi nảy nở, gắn nhiều với cây trồng... Vì thế, người ta quan tâm nhiều tới nguyệt thực. Cũng như nhiều cư dân Đông Nam Á, một nhận thức mang tính "đồng quy văn hoá" là: nếu hồ phù nuốt hết mặt trăng (nguyệt thực toàn phần) thì đó là điều gắn với chiến tranh hoặc mất mùa. Nếu quái vật này phải oẹ mặt trăng ra (nguyệt thực một phần) thì đó là điềm được mùa lớn. Có thể nhận thức nêu trên đã tác động tới kiến trúc đình/đền của người Việt để ngôi đình được coi như đầu hồ phù, còn hồ bán nguyệt như mặt trăng, hai toà tả hữu vu như tay của quái vật... Tất cả, hội lại như một lời nhắn nhủ với thần, rằng: xin theo gợi ý của chúng tôi đây, hỡi thần linh cao cả hãy luôn cho chúng tôi những vụ mùa bội thu...

Xét về hệ thống kiến trúc cụ thể, tuy mặt bằng của ngôi đình hiện theo dạng chữ "Công", nhưng kiến trúc bên trên lại được dựng thành ba toà khác



Đình Tinh Quang, quận Long Biên, Hà Nội - Ảnh: Tác giả

n nhau và theo kiểu “trùng thiêm điệp ốc”, gồm: đại đình, thiêu hương, hậu cung và hai toà giải vũ.

Về toà đại đình: đây là một đình lớn, còn dấu tích từ thế kỷ XVII (tuy không nhiều). Với niên đại này, hiện nay chúng ta chỉ có thể điểm tới trên địa bàn Hà Nội có: đình Xuân Dục, đình Tinh Quang, đình Yên Phụ, đình Thượng Cát, đình Công Đình, đình Thanh Am... Thực sự, trên địa bàn quận Long Biên chỉ có đình Tinh Quang, đình Thanh Am. Kế tiếp sau niên đại này thì đình có dấu tích thế kỷ XVIII cũng không nhiều, điển hình như đình Khương Thượng, đình Lại Đà... Chỉ như vậy, đã cho thấy giá trị của đình Thanh Am - Kiến trúc này hiện rất khang trang, có 5 gian, 2 chái lớn và 2 dĩ, với 6 hàng chân cột. Thông thường, với số lượng cột như vậy thì hiếm sử dụng bảy, mà phổ biến dùng kẻ. Thực ra, như nhiều kiến trúc tôn giáo - tín ngưỡng khác, đình Thanh Am cũng được chia làm ba phần theo chiều cao, để gắn với tinh thần chia vũ trụ thành 3 tầng. Với mái coi như đồng nhất với tầng trên, mà ở đó có đầu kim, với bóng dáng của thủy quái MaKara hoá rồng, như biểu hiện về việc cầu nguồn nước no đủ. Rồi lên đắp, tượng trưng cho sức mạnh tầng trên, cho sự trong sáng và trí

tuệ... Nó đứng đó, nhìn xuống sân để kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương. Nơi đầu đao, đầu guột với những vân xoắn, hoa lá cách điệu và nhất là những cụm mây có đuôi, như được gắn với biểu tượng của bầu trời, ẩn sau đó là ý thức cầu mưa. Vào thế kỷ XX, bờ nóc đình được đắp đôi rồng chầu mặt trời do hổ phù đội, mà bố cục này dễ được coi là một biểu hiện của cặp phạm trù “âm dương đối đãi”. Hiện nay, mái đình được lợp bằng ngói vảy rồng/hến nhỏ. Và, điều đáng chú ý là, ở đầu hồi đã không còn sử dụng hình thức vỉ ruồi/rốn nhọn, mà thay vào đó là một mái vẩy nhỏ. Đây là một sáng kiến ít có ở nơi khác, nó vẫn đủ khả năng che sự thô mập của bộ vì bên trong, có khả năng chống mưa tốt hơn, đồng thời lại gây được một điểm nhấn đẹp cho kiến trúc.

Bộ khung gỗ của đình là sự tổng hoà của kiến trúc suốt từ thế kỷ XVII tới thế kỷ XX. Với vì nóc theo kiểu “giá chiêng chống rường con nhện”, vẫn sử dụng “câu đầu” kê trên cột cái qua một đầu lớn, mà vẫn chưa sử dụng quá giang (dạng cấu trúc phổ biến từ thế kỷ XVIII về sau). Hệ thống kết cấu nối giữa cột cái và cột quân, hiện nay chủ yếu với dạng cốn chống rường và “cốn mê” bằng ván. Nói

giữa cột quân ra cột hiên thường là những kẻ cong kiểu cổ ngỗng. Đình không còn sàn gỗ, nay được tôn bằng cách đắp cao nền. Trước đây, nền đình cũng như ở các loại hình di tích khác (kể cả nhà ở), thường không bao giờ lát, nhằm tạo cho không gian thiêng có sự hoà khí của âm dương, đưa phúc tới con người. Nền này bao giờ cũng được bó vữa đá để xác định về ranh giới giữa cõi thiêng và chốn tục.

Đình Thanh Am, cũng có thể được xếp vào diện một công trình có giá trị về mặt chạm khắc, với kỹ thuật chạm bong kênh, nổi, lõng... thuộc nhiều đề tài ẩn chứa nhiều ý nghĩa. Đó là mai, trúc hoá long (một nhà như thể trúc mai) vừa tượng trưng cho sự thanh cao, cho quân tử, vừa như nhắc nhở con người phải sum họp đoàn kết. Rồi nhiều loại cây khác như gắn với ước vọng thoát tục, cầu thọ (tùng lộc)... Suy cho cùng, hình tượng thực vật được chạm trên đình Thanh Am không nhiều, nhưng với đường nét không thừa, không thiếu, khúc khuỷu la đà... đã góp phần cho những người quan tâm tới nó dễ gạt bỏ được vướng mắc trần thế mà trở về với sự hồn nhiên trong trắng rồi hoà vào không gian tâm linh để như tìm về bản chất nguyên sơ của chính mình. Đó là những con rồng nhằm tượng cho mây, với các đao mác và đao lượn sóng, một hình tượng của sấm chớp để đầu đó là tiếng gọi mưa, gọi mùa của một bầu trời phồn thực; là những con phượng vũ, với mỏ diều, tóc trĩ, vẩy cá chép, đuôi công, cẳng hạc, móng chim ưng... mà chúng ta vẫn thường hiểu, đầu phượng đội công lý và đức hạnh, mắt tượng cho mặt trời, mặt trăng, lưng công bầu trời, cánh là gió, lông là cây cỏ, đuôi công tượng cho tinh tú, chân là đất... Phượng đã tượng cho cả bầu trời và mặt đất, vì thế phượng vũ như thể hiện cho sự vận động của vũ trụ. Và, như vậy, nó tượng cho thánh nhân, cho trí tuệ. Đó là một ước vọng của tổ tiên ta mong cầu có người tài ra giúp dân, giúp nước trong tinh thần "phi trí bất hưng". Ngoài ra còn nhiều đề tài khác như long mã, mà yếu tố thiêng liêng của chúng đã hoà cùng ước vọng truyền đời của người nông dân để dệt nên một không gian tâm linh đáng trân trọng, đậm chất nhân văn truyền thống của ngôi đình.

Về toà thiêu hương: đây là một phương đình, được dựng muộn (có thể vào thế kỷ XX). Song, giá

trị triết học văn hoá của nó vẫn thật sâu sắc. Thiêu hương được kết cấu theo kiểu hai tầng, tám mái. Với vị trí trung tâm, nó như mang tư cách của toà/lầu thông linh, hay đúng hơn là nơi để làm lễ thông tam giới (trời, đất và thế gian). Sự hiện diện của nó như có sự đóng góp của các nhà Nho trong làng, mà gần đây, một vài nhà nghiên cứu dân tộc học mỹ thuật ngỡ đọc ra được yếu tố "dịch học" của kiến trúc. Rằng: Dịch là chuyển động. Dịch học là hệ triết học bàn về sự hình thành ra vũ trụ và thế giới nhân sinh thông qua quy luật vận động thường hằng của tạo hoá/tự nhiên. Khởi đầu của vũ trụ là "thái cực" - Thái cực động sinh "dương", tĩnh sinh "âm" - Âm dương tức "lưỡng nghi"; đối đãi mà sinh "tứ tượng" - Tứ tượng đắp đối mà thành bát quái/quẻ. Đó là cái gốc của muôn loài, muôn vật hữu hình... Qua kết cấu ngôi nhà, tạm có thể nghĩ: cả toà coi là thái cực, mái trên nhẹ tượng cho dương, mái dưới nặng tượng âm, 4 phía mái cho tứ tượng và 8 mái cho bát quái - Như vậy, một nén hương ở nơi đây vừa như thể hiện ý thức cầu thông tam giới, vừa thúc đẩy cho âm dương đối đãi trong ước vọng cầu phát triển thuộc tư duy nông nghiệp.

Về toà hậu cung và các kiến trúc phụ khác: toà hậu cung cũng có hai tầng mái, được kết cấu theo kiểu ba gian tường hồi bít đốc, bộ khung gỗ đơn giản, chủ yếu bào trơn, đóng bén, là sản phẩm không tương xứng với đại đình, tiếp tới là hai toà giải vũ... Các kiến trúc này đã đóng khung không gian thiêng của đình lại, tạo nên một dạng kết cấu khó có thể thấy ở nơi khác.

Nhìn chung, hiện nay đình Thanh Am vẫn còn một khuôn viên rộng, với nhiều cây cối xanh tốt, nơi đất lành, đủ không gian thoáng đãng để tôn tạo thành một điểm du lịch văn hoá trong hiện tại và tương lai. Điều đáng quý của đình là, tuy ít nhiều cũng đã bị xâm phạm, song các kiến trúc thành phần, về cơ bản, vẫn còn đủ để chúng ta có thể tập trung nghiên cứu về khía cạnh văn hoá của một thời đã qua. Riêng đối với đình Tinh Quang, là một kiến trúc nghệ thuật cổ truyền, tạm đứng số một của nội thành Hà Nội hiện nay, cùng những giá trị phi vật thể kèm theo, chúng tôi nhận thấy cụm di tích này rất đáng được tôn tạo để trở thành một trong những trung tâm văn hoá của thủ đô./.

B.T.Q